

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 01 - 7- 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn  
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2022/HNGĐ-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2022/QĐXX-PT ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Tôn Thành L, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Số 427, ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Mai Thiên Th, Văn phòng Luật sư Mai Thiên Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt);

***- Bị đơn:*** Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1997 (xin vắng);

Địa chỉ: Ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

***- Người kháng cáo:*** Chị Trần Ngọc T, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Tôn Thành L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày

21/3/2021 âm lịch, chị T xin về nhà mẹ chơi 02 tháng, nửa tháng đầu anh chị có liên lạc điện thoại và anh có xuống nhà mẹ chị T 02 lần, sau đó không xuống nữa, cũng không liên lạc. Sau 02 tháng chị T không về nhà nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: 17 chỉ 05 phân vàng 24K do cha mẹ hai bên cho khi cưới hiện do chị T quản lý. Cụ thể ngày xuống mỗi cha mẹ L cho 01 nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24K và đám hỏi cho 01 tấm lắc trọng lượng 03 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24K, mặt dây chuyền 05 phân vàng 24K. Đến đám cưới cha mẹ chị T cho 10 chỉ vàng 24K. Anh yêu cầu chia đôi số vàng này. Ngoài ra có đôi bông tai vàng 18K chị T đang quản lý và cặp nhẫn cưới vàng 18K mỗi người đang quản lý 01 chiếc thì không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị Trần Ngọc T trình bày:*

- Về hôn nhân: Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 10/11/2020. Do anh L có người phụ nữ khác, gia đình chồng lại không cho chị được ý kiến về người này do là thanh mai trúc mã với anh L, anh L cùng mẹ chồng nhiều lần yêu cầu chị bán vàng hoặc mượn vàng do chị đang quản lý nhưng chị không đồng ý nên gia đình chồng không tôn trọng mà nhiều lần chỉ trích, anh L không quan tâm dẫn đến tinh thần của chị bị ảnh hưởng, thất vọng, hụt hẫng nên chị mới xin về nhà mẹ chơi 02 tháng. Thời gian chị đi thì trong 02 tuần đầu tiên, anh L có ghé nhà mẹ chị thăm 01 lần nhưng trong hoàn cảnh là tiện đường rồi ghé chứ ban đầu không có ý muốn thăm chị. Chị vẫn còn tình cảm vợ chồng, muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Cha mẹ cho tổng số 7,5 chỉ vàng 24 vì cho ngày xuống mỗi và đám hỏi nên cho riêng chị. Ngày cưới cha mẹ ruột cho 10 chỉ vàng 24k nhưng thực chất số vàng này chị tích lũy 03 năm đi dạy học, nên đây là tài sản riêng.

Sau khi về nhà mẹ ruột, do anh L không quan tâm, chị bị bệnh rối loạn tiền đình, suy nhược cơ thể nên phải điều trị và về quê ở Long An cho khuây khỏa tinh thần. Chị điều trị tại phòng khám bác sĩ tư nên không có chứng từ toa vé hay chứng cứ gì chứng minh. Trong thời gian này chị đã bán hết số vàng trên chỉ còn giữ lại đôi bông. Khi bán không có bàn với anh L do đây là tài sản riêng của chị. Nay anh L yêu cầu chia mỗi người 08 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K thì chị không đồng ý. Về đôi bông tai và cặp nhẫn cưới thì chị thống nhất với ý kiến của anh L.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2022/HNGĐ-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Tôn Thành L xin ly hôn với chị Trần Ngọc T.

- Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh L và chị T là 17 chỉ 05 phân vàng 24K. Anh L, chị T được chia mỗi người  $\frac{1}{2}$  tài sản chung là 08 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K. Buộc chị T có trách nhiệm giao lại cho anh L 08 chỉ 07 phân 05 li vàng 24K.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/4/2022 bị đơn chị Trần Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn, Trần Ngọc T có đơn xin vắng mặt phiên tòa phúc thẩm và trong đơn thể hiện nội dung giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, vì cho rằng án sơ thẩm cho ly hôn là không khách quan; về tài sản tổng số vàng 17,5 chỉ hai bên cho là tài sản riêng của chị T, thời gian qua chị bệnh nhập viện nên đã bán hết số vàng để điều trị.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Về hôn nhân, hai đương sự ly thân hơn 01 năm, anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng, nếu hàn gắn cũng không hạnh phúc, yêu cầu cho ly hôn; Về tài sản, chị T cho rằng 10 chỉ vàng 24k là tài sản riêng thì phải đưa ra chứng cứ; tại phiên tòa phúc thẩm anh L đồng ý vàng cha mẹ L cho thuộc về L, vàng cha mẹ T cho thuộc về T, Luật sư tôn trọng ý kiến của anh L và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn, anh L trình bày: Đồng ý với ý kiến của Luật sư, anh L xác nhận tại đám cưới cha mẹ T cho vàng và nói “cho con gái về nhà chồng”.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về tài sản, buộc chị T hoàn trả cho anh L 7,5 chỉ vàng 24k.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị T.

Quyết định của án sơ thẩm: chấp nhận yêu cầu của anh L xin ly hôn với chị T; về tài sản chung có 17,5 chỉ vàng 24k, mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$ , chị T giao lại

cho anh L 8,75 chỉ vàng 24k. Chị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

[2] Xem xét nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chị T kháng cáo án sơ thẩm cho anh L ly hôn với chị là không khách quan; về tài sản toàn bộ số vàng là tài sản riêng của chị, thời gian qua bị bệnh chị đã bán hết để điều trị bệnh

[2.1] Xét kháng cáo về quan hệ hôn nhân: Anh Tôn Thành L và chị Trần Ngọc T có đăng ký kết hôn theo quy định, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hai đương sự có thời gian sống chung khoảng 04 tháng và ly thân từ tháng 5/2021, đã qua vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, chị T bị bệnh anh L cũng không biết. Với tình trạng thực tế thì mâu thuẫn giữa hai đương sự là trầm trọng, nếu hàn gắn hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, bản án sơ thẩm cho anh L ly hôn với chị Thảo là có căn cứ.

[2.2] Về tài sản: Ngày xuống mối và đám cho đồ cha mẹ L cho 7,5 chỉ vàng 24k; ngày cưới cha mẹ chị T cho 10 chỉ vàng 24k. Anh L xác định tổng số vàng 17,5 chỉ cha mẹ hai bên cho là tài sản chung, chị Thảo cho rằng là tài sản riêng vì bên chồng cho cô dâu và cha mẹ ruột cho con gái nhưng thực chất 10 chỉ vàng do chị tích lũy được trong thời gian 03 năm đi dạy học.

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, nhận thấy: vàng cha mẹ anh L tặng cho ngày xuống mối và ngày đám cho đồ với tổng số vàng 7,5 chỉ 24k là tiền đề để anh L, chị T kết hôn với nhau, cha mẹ L tặng cho chung hai con chứ không phải cho riêng chị T.

Đối với 10 chỉ vàng 24k cha mẹ T cho ngày cưới, ông bà xác định cho riêng con gái để dành phòng thân, kể cả người chủ lễ cũng xác nhận cha mẹ cho chị T chứ không có công bố cho chung vợ chồng T, những lời khai này phù hợp với lời trình bày của anh L tại phiên tòa sơ thẩm khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và Hội thẩm nhân dân hỏi anh L “Khi cho nói thế nào”, anh L trả lời “Nói cho con gái về nhà chồng” (bút lục 93,97) và tại phiên tòa phúc thẩm anh L xác nhận cha mẹ T “Nói cho con gái về nhà chồng”. Số 10 chỉ vàng theo như chị T trình bày là chị tích lũy trong nhiều năm và thời điểm chị về nhà cha mẹ ruột ở chị bị bệnh đã bán để điều trị, sự việc chị T bị bệnh và nhập viện là sự thật. Phía anh L không đưa ra chứng cứ chứng minh 10 chỉ vàng 24k cha mẹ T cho chung vợ chồng; do vậy, 10 chỉ vàng này là tài sản riêng của chị T thời điểm ly thân chị quản lý số vàng này.

Chị T là người quản lý 7,5 chỉ vàng 24k, nên có trách nhiệm giao lại cho anh L 3,75 chỉ vàng 24k (ba chỉ bảy phân năm ly)

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị sửa một phần án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm với những căn cứ nhận định ở trên.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí

[6.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên sửa án phí sơ thẩm.

Anh L chịu án phí tổng số tiền 1.342.500 đồng (án phí có giá ngạch 1.042.500 đồng và án phí không giá ngạch 300.000 đồng), đã dự nộp 2.432.500 đồng được khấu trừ và được nhận lại 1.090.000 đồng.

Chị Thảo chịu án phí có giá ngạch bằng 1.042.500 đồng.

(giá vàng tính 5.560.000đ/chỉ).

[6.2] Án phí phúc thẩm chị T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trần Ngọc T; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2022/HNGĐ-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 33, 35, 51, 56, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Tôn Thành L xin ly hôn với chị Trần Ngọc T.

2. Về tài sản

- Số 10 chỉ vàng 24k cha mẹ chị T cho là tài sản riêng của chị T.

- Số 7,5 chỉ vàng 24k cha mẹ anh L cho là sản chung. Chị T và anh L mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  bằng 3,75 chỉ vàng 24k. Chị T quản lý tài sản có trách nhiệm giao lại cho anh L 3,75 chỉ vàng 24k (*ba chỉ bảy phần năm ly*).

3. Về án phí

- Án phí sơ thẩm:

Anh Tôn Thành L chịu án phí không giá ngạch và án phí có giá ngạch 5% với tổng số tiền bằng 1.342.500 đồng. Anh L đã nộp tạm ứng án phí 1.429.000đ tại biên lai số 0010075 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U được khấu trừ và được nhận lại 1.090.000 đồng.

Chị Trần Ngọc T chịu án phí có giá ngạch bằng 1.042.500 đồng.

- Án phí phúc thẩm chị T không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0010403 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, được nhận lại toàn bộ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**



